iSCHOOL HỆ THỐNG TRƯỜNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ	**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK I - SINH 9 NĂM HỌC 2021 – 2022**

I. TRẮC NGHIỆM: Hãy chọn và khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất

1. Quy luật phân li được Menđen phát hiện trên cơ sở thí nghiệm:

A. Phép lai hai cặp tính trạng. B.Phép lai nhiều cặp tính trạng.

C. Phép lai một cặp tính trạng. D. Tạo dòng thuần chủng trước khi đem lai.

2. Phép lai nào sau đây là phép lai phân tích hai cặp tính trạng?

A. P: AaBb X aabb B. P: AaBb X Aabb C. PaaBb X AABB D-. AaBb X aaBB

3. Ở phép lai hai cặp tính trạng về màu hạt và vỏ hạt của Menden, kết quả ở F_2 có tỉ lệ thấp nhất thuộc về kiểu hình

A. hạt vàng, vỏ trơn B. hạt vàng, vỏ nhăn C. hạt xanh, vỏ trơn D. hạt xanh, vỏ nhăn

4. Trong phép lai 2 cặp tính trạng của Menden ở cây đậu Hà lan, khi phân tích từng cặp tính trạng thì F_2 tỉ lệ mỗi cặp tính trạng là:

A. 9 : 3 : 3 : 1 B. 3 : 1 C. 1 : 1 D.1 : 1 : 1 : 1

5. Khi cho giao phấn giữa cây có quả tròn, chín sớm với cây có quả dài chín muộn, kiểu hình nào ở con lai dưới đây được xem là biến dị tổ hợp :

A. quả tròn, chín sớm B. quả dài, chín muộn

C. quả tròn, chín muộn D. quả dài, chín muộn và quả tròn, chín muộn

6. Những loại giao tử có thể tạo ra từ kiểu gen AaBb là:

A. AB, Ab,aB, ab B. aB, Ab C. Ab, ab, Ab D. AB, Ab, aB

7. Một hợp tử của ruồi giấm nguyên phân liên tiếp 4 lần. Xác định số tế bào con đã được tạo ra?

A. 4 tế bào con B. 8 tế bào con C. 2 tế bào con D. 16 tế bào co

8. Sự tự nhân đôi của nhiễm sắc thể diễn ra ở kì nào của chu kì tế bào

A) Kì đầu. C) Kì trung gian. B) Kì giữa. D) Kì sau và kì cuối.

9. Giảm phân là hình thức phân bào của loại tế bào nào dưới đây?

A) Tế bào sinh dưỡng. B) Hợp tử. C) Tế bào sinh dục ở thời kì chín. D) Giao tử.

10. Ở ruồi giấm 2n = 8. Số lượng nhiễm sắc thể kép ở kì giữa của giảm phân II là?

A) 2 B) 4 C) 8 D) 16

11. Trong giảm phân nhiễm sắc thể được nhân đôi ở thời điểm nào?

A) Kì trung gian trước giảm phân I. B) Kì đầu của giảm phân I.

C) Kì trung gian của giảm phân II. D) Kì đầu của giảm phân II.

12. Diễn biến của NST ở kì giữa của giảm phân II là:

A) n nhiễm sắc thể đơn xếp thành 1 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

B) n nhiễm sắc thể đơn xếp thành 2 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

C) n nhiễm sắc thể kép xếp thành 1 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

LIVEWORKSHEETS

D) n nhiễm sắc thể kép xếp thành 2 hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.

13. Kết quả của quá trình phát sinh giao tử cái từ một noãn nguyên bào bậc I cho ra:

A) 1 trứng và 1 thể cực C) 1 trứng và 3 thể cực

B) 1 trứng và 2 thể cực D) 1 trứng

14. Trong quá trình phát sinh giao tử, từ 4 tế bào sinh tinh sẽ tạo ra:

A) 4 tinh trùng B) 16 tinh trùng c) 8 tinh trùng D) 12 tinh trung

15. Ở nhóm sinh vật nào dưới đây con đực mang cặp NST giới tính XX, còn con cái mang cặp NST giới tính XY?

A. Ruồi giấm, bò, người. B. Chim, bướm, ếch, nhái, thằn lằn bóng.

C. Bọ hung D. Châu chấu, rệp.

16. Ý nghĩa của di truyền liên kết là:

A. Di truyền liên kết được vận dụng để chọn những nhóm tính trạng tốt luôn di truyền cùng nhau.

B. Di truyền liên kết được vận dụng trong xây dựng luật hôn nhân.

C. Di truyền liên kết được sử dụng để xác định kiểu gen của các cơ thể đem lai.

D. Di truyền liên kết được vận dụng để tạo ra nhiều biến dị tổ hợp.

17. Ở ruồi giấm gen A quy định thân xám, gen a quy định thân đen , gen B quy định cánh dài, gen b quy định cánh cụt. Hai cặp gen quy định màu sắc thân và kích thước cánh cùng nằm trên một NST thường và liên kết hoàn toàn. Ruồi giấm đực có kiểu gen $\frac{AB}{AB}$ tạo được giao tử:

A. AA B. BB C. AA và BB D. AB

18. Khi lai phân tích cơ thể có 2 cặp gen dị hợp tử, di truyền liên kết, F_1 có tỉ lệ kiểu hình và kiểu gen nào?

A. 1: 2: 1 B. 1:1 C. 1:1: 1: 1 D. 2: 1: 2

19. Ở kì nào của quá trình nguyên phân nhiễm sắc thể có hình dạng và cấu trúc đặc trưng dễ quan sát?

A) Kì đầu C) Kì sau B) Kì cuối D) Kì giữa

20. Mỗi chu kì xoắn của ADN cao $34A^o$ gồm 10 cặp nuclêôtit. Vậy chiều dài của mỗi cặp nuclêôtit tương ứng sẽ là:

A. $340A^o$ B. $3,4\ A^o$ C. $17A^o$ D. $1,7A^o$

21. Tính đa dạng, đặc thù của mỗi loại ADN do yếu tố nào sau đây quy định?

A. Hàm lượng ADN trong nhân tế bào.

B. Số lượng các nuclêôtit

C. Số lượng, thành phần và trình tự sắp xếp các nuclêôtit trong phân tử ADN

D. Tỉ lệ (A + T)/ (G +X) trong phân tử ADN

22. Nguyên tắc bổ sung trong cấu trúc của ADN dẫn đến hệ quả :

A. A = X, G = T B. A + T = G + X C. A + G = T + X D. A + X + T = X + T + G

23. Một đoạn của phân tử ADN mang thông tin qui định cấu trúc một loại prôtêin được gọi là:

A. Nhiễm sắc thể B. Crômatit C. Mạch của ADN D. Gen cấu trúc

24. Chức năng của gen là:

LIVEWORKSHEETS

A. Lưu giữ và truyền đạt thông tin di truyền B. Tham gia vào các cấu trúc của màng tế bào

C. Chứa đựng năng lượng cho các hoạt động của tế bào D. Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường

25. Các loại ARN được tổng hợp dựa trên khuôn mẫu của:

A. Phân tử prôtêin B. Ribôxôm C. Phân tử ADN D. Phân tử ARN mẹ

26. Đơn phân cấu tạo nên prôtêin là:

A. Axit nuclêic B. Nuclêôtit C. Axit amin D. Axit photphoric

27. Tính đa dạng và đặc thù của prôtêin được qui định bởi những yếu tố nào?

a. Trình tự sắp xếp, số lượng và thành phần các nuclêôtit

b. Các chức năng quan trọng của prôtêin

c. Cấu tạo của prôtêin gồm 4 nguyên tố chính là C,H,O,N.

d. Trình tự sắp xếp, số lượng và thành phần axit amin và các dạng cấu trúc không gian của prôtêin

28. Đặc điểm chung về cấu tạo của ADN, ARN, prôtêin là:

A. Đại phân tử, cấu tạo theo nguyên tắc đa phân B. Có kích thước và khối lượng phân tử bằng nhau

C. Đều được cấu tạo từ các nuclêôtit D. Đều được cấu tạo từ các axit amin

29. gen và prôtêin có mối quan hệ thông qua:

A. mARN. B. tARN. C. rARN D. Nuclêôtit.

30. Mỗi chu kì xoắn của ADN cao 34A^o gồm 10 cặp nuclêôtit. Vậy chiều dài của mỗi caëp nuclêôtit tương ứng sẽ là:

A. 340A^o B. 3,4 A^o C. 17A^o D. 1,7A^o

31. Biến dị di truyền gồm:

A. Biến dị tổ hợp B. Đột biến; C. Thường biến; D. Biến dị tổ hợp và đột biến.

32. Đa số đột biến gen tạo ra:

A. Gen lặn . B. Gen trội C. Gen dị hợp . D. Gen lặn và gen trội .

33.Đột biến là gì?

A. Biến đổi xảy ra trong kiểu gen. B. Sự thay đổi kiểu hình của sinh vật,

C. Biến đổi xảy ra trong ADN và NST. D. Biến đổi xảy ra do môi trường.

34. Ý nghĩa của đột biến gen trong trồng trọt và chăn nuôi:

A. Gây đột biến nhân tạo về đột biến gen.

B. Tạo những giống có lợi cho nhu cầu của con người.

C. Làm cơ quan sinh dưỡng có kích thước lớn.

D.Gây đột biến nhân tạo về đột biến gen để tạo ra những giống có lợi cho nhu cầu con người.

35. Nguyên nhân chủ yếu gây ra các đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể trong tự nhiên là do:

A. Tác nhân vật lí và hóa học của ngoại cảnh B. Sự rối loạn trong trao đổi chất của nội bào

C. Các vụ thử vũ khí hạt nhân của con người D.Quá trình giao phối tự nhiên

36. Dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể mà enzim thủy phân tinh bột ở lúa mạch có hoạt tính cao?

A. Mất đoạn nhiễm sắc thể B. Đảo đoạn nhiễm sắc thể

C. Lặp đoạn nhiễm sắc thể D. Chuyển đoạn nhiễm sắc thể

LIVEWORKSHEETS

37. Quan sát trường hợp minh họa sau đây và hãy xác định đột biến này thuộc dạng nào?

ABCDEFGH ⟶ ABCDEFG

A. Mất đoạn nhiễm sắc thể B. Đảo đoạn nhiễm sắc thể

C. Lặp đoạn nhiễm sắc thể D. Chuyển đoạn nhiễm sắc thể

38. Tại sao đột biến cấu trúc thường gây hại cho bản thân sinh vật?

A. Vì hầu hết thể đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể bị chết

B. Vì thể đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể đều có kiểu hình không bình thường

C. Vì khó gây đột biến nhân tạo

D. Vì phá vỡ cấu trúc nhiễm sắc thể hoặclàm thay đổi số lượng, cách sắp xếp các gen trên NST

39. Thể dị bội là cơ thể mà trong tế bào sinh dưỡng:

A. Chỉ có một cặp nhiễm sắc thể bị thay đổi về số lượng

B. Chỉ có một hoặc một số cặp nhiễm sắc thể bị thay đổi về cấu trúc

C. Tất cả các cặp nhiễm sắc thể bị thay đổi về số lượng

D. Có một hoặc một số cặp nhiễm sắc thể bị thay đổi về số lượng

40. Ở người có biểu hiện bệnh Tớcnơ (2n = 45) là do:

A. Đột biến gen

B. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể

C, Đột biến số lượng nhiễm sắc thể thuộc thể dị bội

D. Đột biến số lượng nhiễm sắc thể thuộc thể đa bội

41. Cà độc dược có bộ nhiễm sắc thể 2n = 24. Vậy thể (2n – 1) cây cà có số lượng nhiễm sắc thể là:

A . 22 B . 23 C. 24 D. 25

42. Trong tế bào sinh dưỡng, thể 3 nhiễm (2n + 1) của người có số lượng nhiễm sắc thể là:

A. 24 B. 3 C. 47 D. 49

Phần tự luận:

Câu 4: Ở người, thuận tay phải là trội (P) so với thuận tay trái (p). Bố mẹ đều thuận tay phải sinh được một người con thuận tay trái.

a/ Xác định kiểu gen của con và của bố mẹ.

b/Nếu bố mẹ sinh thêm một người con nữa thì người con này có thuận tay phải không? Xác suất bao nhiêu?

LIVEWORKSHEETS